

BÁO CÁO

Đánh giá cấp độ dịch Covid-19 cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương
(Tính đến 18g00' ngày 19/10/2021)

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của chính phủ ban hành quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”,

Thực hiện Công văn số 5209/UBND-VX ngày 14/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ và Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế,

Sở Y tế tỉnh Bình Dương báo cáo kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 tại các xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương tính đến ngày 19/10/2021 như sau:

Quy mô	Số xã/phường/thị trấn	Cấp độ dịch		
		Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3
Cấp xã	91	42	27	22

(Đính kèm Phụ lục đánh giá chi tiết)

Trên đây là báo cáo của Sở Y tế về kết quả đánh giá cấp độ dịch Covid-19 tại các xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương./v

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- BCD Covid-19 tỉnh (Trưởng và các Phó ban);
- UBND tỉnh;
- UBND các huyện, Tx, Tp;
- Sở Thông tin & Truyền thông;
- BGĐ SYT;
- TT KSBT;
- TTYT các huyện, Tx, Tp;
- Web SYT;
- Lưu: VT, NVY.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hồng Chương

CẤP ĐỘ DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 139 /BC-SYT ngày 20/10/2021 của Sở Y tế)

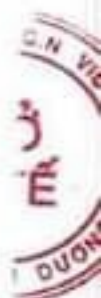
* **Tiêu chí 2:** trong Tháng 10/2021, tỉnh Bình Dương đạt > 80% người từ 65 tuổi trở lên được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

* **Tiêu chí 3:** tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Bình Dương đều đạt.

Kết hợp các Tiêu chí 1, 2 và 3 các cấp độ dịch tại 91 xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương như sau:

STT	Xã/Phường/thị trấn	Dân số	Số ca mắc mới cộng đồng 14 ngày	Số ca mắc mới cộng đồng/100.000 dân/tuần	Cấp độ dịch
I. Thành phố Thủ Dầu Một					
1.	Phường Hiệp Thành	33918	33	49	1
2.	Phường Phú Lợi	39808	32	40	1
3.	Phường Phú Cường	25552	41	80	2
4.	Phường Phú Hòa	34694	122	176	3
5.	Phường Phú Thọ	21491	15	35	1
6.	Phường Chánh Nghĩa	26701	60	112	2
7.	Phường Định Hòa	16597	30	90	2
8.	Phường Hòa Phú	36745	123	167	3
9.	Phường Phú Mỹ	25459	24	47	1
10.	Phường Phú Tân	16135	152	471	3
11.	Phường Tân An	15602	4	13	1
12.	Phường Hiệp An	16713	39	117	2
13.	Phường Tương Bình Hiệp	16188	41	127	2
14.	Phường Chánh Mỹ	11102	30	135	2
II. Thành phố Thuận An					
1.	Phường An Thạnh	32574	160	246	3
2.	Phường Lái Thiêu	67041	100	75	2
3.	Phường Bình Chuẩn	101549	423	208	3
4.	Phường Thuận Giao	107527	318	148	2
5.	Phường An Phú	103556	147	71	2
6.	Phường Hưng Định	14726	25	85	2
7.	Xã An Sơn	8341	5	30	1
8.	Phường Bình Nhâm	23151	14	30	1
9.	Phường Bình Hòa	134851	265	98	2
10.	Phường Vĩnh Phú	25668	24	47	1
III. Thành phố Dĩ An					
1.	Phường Dĩ An	110700	345	156	3

2.	Phường Tân Bình	60737	239	197	3
3.	Phường Tân Đông Hiệp	95081	561	295	3
4.	Phường Bình An	31437	157	250	3
5.	Phường Bình Thắng	17295	23	66	2
6.	Phường Đông Hòa	97866	252	129	2
7.	Phường An Bình	80175	417	260	3
IV. Thị xã Tân Uyên					
1.	Phường Uyên Hưng	42873	52	61	2
2.	Phường Tân Phước Khánh	40778	93	114	2
3.	Phường Vĩnh Tân	26716	133	249	3
4.	Phường Hội Nghĩa	44859	46	51	2
5.	Phường Tân Hiệp	59391	204	172	3
6.	Phường Khánh Bình	78586	110	70	2
7.	Phường Phú Chánh	12430	71	286	3
8.	Xã Bạch Đằng	7421	1	7	1
9.	Phường Tân Vĩnh Hiệp	40666	76	93	2
10.	Phường Thạnh Phước	12339	4	16	1
11.	Xã Thạnh Hội	4472	0	0	1
12.	Phường Thái Hòa	51163	56	55	2
V. Thị xã Bến Cát					
1.	Phường Mỹ Phước	85037	738	434	3
2.	Phường Chánh Phú Hòa	25325	225	444	3
3.	Xã An Điền	22074	48	109	2
4.	Xã An Tây	36907	125	169	3
5.	Phường Thới Hòa	66586	724	544	3
6.	Phường Hòa Lợi	39525	266	336	3
7.	Phường Tân Định	34468	448	650	3
8.	Xã Phú An	18855	90	239	3
VI. Huyện Bàu Bàng					
1.	Xã Trừ Văn Thố	12518	15	60	2
2.	Xã Cây Trường II	6177	5	40	1
3.	Thị trấn Lai Uyên	32673	292	447	3
4.	Xã Tân Hưng	9679	26	134	2
5.	Xã Long Nguyên	18259	18	49	1
6.	Xã Hưng Hòa	8955	35	195	3
7.	Xã Lai Hưng	17110	16	47	1
VII. Huyện Bắc Tân Uyên					
1.	Xã Tân Định	8380	2	12	1
2.	Xã Bình Mỹ	9509	2	11	1
3.	Thị trấn Tân Bình	10776	3	14	1
4.	Xã Tân Lập	3173	0	0	1
5.	Thị trấn Tân Thành	6522	10	77	2
6.	Xã Đất Cuốc	9697	4	21	1
7.	Xã Hiếu Liêm	3001	0	0	1



8.	Xã Lạc An	9085	0	0	1
9.	Xã Tân Mỹ	8405	3	18	1
10.	Xã Thường Tân	6319	0	0	1
VIII. Huyện Phú Giáo					
1.	Thị trấn Phước Vĩnh	17636	5	14	1
2.	Xã An Linh	5106	0	0	1
3.	Xã Phước Sang	4240	0	0	1
4.	Xã An Thái	4676	0	0	1
5.	Xã An Long	2877	0	0	1
6.	Xã An Bình	17502	2	6	1
7.	Xã Tân Hiệp	5423	1	9	1
8.	Xã Tam Lập	5445	0	0	1
9.	Xã Tân Long	8057	1	6	1
10.	Xã Vĩnh Hòa	15129	12	40	1
11.	Xã Phước Hòa	15416	4	13	1
IX. Huyện Dầu Tiếng					
1.	Thị trấn Dầu Tiếng	19978	17	43	1
2.	Xã Minh Hòa	8985	9	50	2
3.	Xã Minh Thạnh	9799	1	5	1
4.	Xã Minh Tân	7505	8	53	2
5.	Xã Định An	7143	0	0	1
6.	Xã Long Hòa	10483	29	138	2
7.	Xã Định Thành	3758	1	13	1
8.	Xã Định Hiệp	8142	0	0	1
9.	Xã An Lập	8223	0	0	1
10.	Xã Long Tân	6594	5	38	1
11.	Xã Thanh An	11780	17	72	2
12.	Xã Thanh Tuyền	15667	11	35	1

Ghi chú:

- Số liệu dân số do Cục Thống kê tỉnh Bình Dương cung cấp;
- Số ca mắc mới cộng đồng dựa trên số liệu báo cáo công bố ca bệnh hàng ngày từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Dương (từ ngày 06/10 – 19/10/2021)